TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2025/DS-ST
Ngày: 09/5/2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Huy và ông Triệu Đức Tươi.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Hà Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên: Bà Đinh Thị Hương Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH B.

Địa chỉ: Ngã 3 Khu Ô, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị T1 - Sinh năm 1959. Địa chỉ: TDP D, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Duy N, sinh năm 1983. HKTT: Tổ I, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Chỗ ở: Ngõ A đường C, tổ E, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Anh P, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khu đô thị P, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH B (gọi tắt là Công ty B) có bán bê tông với anh Lê Duy N. Tính đến ngày 17/4/2023 anh N còn nợ công ty B số tiền 266.130.000đ. Sau đó,

công ty B đã liên hệ nhiều lần nhưng anh N không thanh toán nợ cho công ty. Do vậy, công ty B đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, yêu cầu anh N thanh toán cho công ty T2 tiền còn nợ là 314.312.837 đồng. Trong đó tiền gốc là 266.130.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 15/12/2024 là 48.182.837 đồng.

Bị đơn anh Lê Duy N trình bày: Anh và Công ty B có mua bán bê tông với nhau. Đến nay, anh còn nợ Công ty B số tiền 266.130.000 đồng. Do làm ăn khó khăn nên anh không có khả năng thanh toán tiền cho công ty B. Nay công ty B yêu cầu anh trả cho công ty B số tiền nợ là 314.312.837 đồng (Trong đó tiền gốc là 266.130.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 48.182.837 đồng). Anh xác định anh có trách nhiệm trả số tiền gốc 266.130.000 đồng cho công ty, do hoàn xin được miễn tiền lãi và được trả dần hàng tháng với mức 7.000.000đ/tháng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Anh P trình bày: Anh là nhân viên bán hàng của Công ty B. Anh có thỏa thuận bán bê tông của công ty với anh Lê Duy N để anh N làm công trình xây dựng. Đến nay, anh N còn nợ công ty B số tiền gốc 266.130.000 đồng. Nay Công ty B đề nghị anh N thanh toán cho công ty số tiền nợ là 314.312.837 đồng (T rong đó tiền gốc là 266.130.000 đồng và tiền lãi là 48.182.837 đồng) thì đề nghị anh N thanh toán số tiền này cho công ty.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và đã tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu anh N trả cho công ty B số tiền gốc là 266.130.000 đồng và số tiền lãi là 48.182.837 đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và hội đồng xét xử: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết như xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 440, 463, 465, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự: Chấp nhận

yêu cầu của công ty B, buộc anh Lê Duy N phải trả cho công ty B số tiền gốc là 266.130.000 đồng và số tiền lãi là 48.182.837 đồng. Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi còn nợ trong quá trình mua bán bê tông. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Duy N hiện đang cư trú tại tổ E, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Việc tham gia tố tụng của các đương sự: Đây là phiên tòa thứ 2, anh N vắng mặt không có lý do dù đã được tống đạt hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Quá trình giải quyết vụ án Công ty B và anh N đều xác định Công ty B có thỏa thuận bán bê tông cho anh N để anh N làm công trình xây dựng. Đến nay, anh N còn nợ Công ty B số tiền là 266.130.000 đồng. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty B, buộc anh N có trách nhiệm trả cho công ty B số tiền nợ gốc 266.130.000 đồng.

[3.2]. Về số tiền lãi:

Tại Biên bản làm việc ngày 17/4/2023 giữa công ty B với anh N thể hiện nội dung: Anh N còn nợ công ty B số tiền 266.130.000đ, thời hạn trả nợ đến ngày 15/6/2023. Nếu anh N không quyết toán thì phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của ngân hàng và trước cơ quan pháp luật.

Tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này"*

Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

"1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này"

Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ."

Do anh N vi phạm nghĩa vụ trả tiền từ ngày 15/6/2023 nên anh N phải chịu lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Tại phiên tòa Công ty B yêu cầu anh N phải trả số tiền lãi 48.182.837 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Ý kiến của bị đơn đề nghị công ty B miễn toàn bộ lãi và được trả dần hàng tháng với mức 7.000.000đ/tháng, công ty B không chấp nhận nên không có cơ sở xem xét đề nghị này của bị đơn.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách nhà nước. Hoàn trả lại Công ty B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Thông báo về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 440, 463, 465, 466, 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH B.

Buộc anh Lê Duy N phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH B tổng số tiền là 314.312.837 đồng *(Ba trăm mười bốn triệu, ba trăm mười hai nghìn, tám trăm ba mươi bảy đồng)*. Trong đó tiền gốc là 266.130.000 đồng và tiền lãi là 48.182.837 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Lê Duy N phải chịu 15.715.641 đồng (*Mười lăm triệu bảy trăm mười lăm nghìn sáu trăm bốn mươi mốt đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH B số tiền tạm ứng án phí 7.857.820 đồng *(Bẩy triệu tám trăm năm mươi bẩy nghìn tám trăm hai mươi đồng)* đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000653 ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thúy Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Q